Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

SỐ TỔNG KẾT QUÝ IV - RA NGÀY 30/12/2024

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
phuongpn@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

TÌNH HÌNH CHUNG 2

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ 3

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU 10

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ 16

THỊ TRƯỜNG THỊT 23

THỊ TRƯỜNG GỖ
VÀ SẢN PHẨM GỖ 28

THÔNG TIN
CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ 34

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Cà phê: Năm 2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng và thiết lập kỷ lục mới do nguồn cung thiếu hụt, nhu cầu tiêu dùng và dự trữ tăng.
- Hạt điều: 10 tháng năm 2024, nhập khẩu hạt điều của Úc đạt 15,3 nghìn tấn, trị giá 83,52 triệu USD, tăng 11,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- Rau quả: Trong 11 tháng năm 2024, nhập khẩu sầu riêng vào Trung Quốc đạt 1,53 triệu tấn, trị giá 6,83 tỷ USD, tăng 9,4% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, nhập khẩu dừa vào Trung Quốc giảm 44,6% về lượng và giảm 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. đạt 1,25 triệu tấn, trị giá 649,55 triệu USD.
- Thịt: Theo Ủy ban châu Âu, tiêu thụ thịt của EU trong giai đoạn đến năm 2035 sẽ giảm.
- Gỗ và sản phẩm gỗ: 11 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 19,7 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2023. 10 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất và các bộ phận của Thái Lan đạt 42,4 tỷ THB (tương đương 1,2 tỷ USD), tăng 7,22% so với cùng kỳ năm 2023.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- Cà phê: Giá cà phê Robusta trong nước năm 2024 tăng mạnh theo xu hướng giá thế giới. Ngày 27/12/2024, giá cà phê trong nước tăng từ 54.000 - 54.300 đồng/kg so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 1,32 triệu tấn, trị giá 5,48 tỷ USD, giảm 18,8% về lượng, nhưng tăng 29,1% về trị giá so với năm 2023.
- Hạt điều: 11 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 669,54 nghìn tấn, trị giá 3,97 tỷ USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hạt điều của Việt Nam tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Anh ở mức cao.
- Rau quả: Năm 2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ghi nhận mức cao kỷ lục, ước đạt 7,12 tỷ USD. Ngành hàng rau quả Việt Nam ngày càng khẳng định được vị thế tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc... Trong 11 tháng năm 2024, thị phần sầu riêng của Việt Nam chiếm 47,09% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc. Việt Nam là nguồn cung dừa lớn thứ ba cho Trung Quốc, chiếm 20,2% tổng lượng nhập khẩu của thị trường này trong 11 tháng năm 2024.
- Thịt: Tháng 12/2024, giá lợn hơi trong nước có xu hướng tăng so với tháng trước, dao động trong khoảng 63.000-69.000 đồng/kg. 11 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 3,1% về lượng, nhưng giảm 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Nhập khẩu thịt lợn và sản phẩm từ thịt lợn giảm 10,7% về lượng và giảm 17,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.
- Gỗ và sản phẩm gỗ: Ước tính xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam năm 2024 đạt 16,2 tỷ USD, tăng 20,3% so với năm 2023. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường chính như EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa đều tăng, nhưng thị phần tại Nhật Bản giảm.

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

► *Năm 2024, giá cà phê thế giới liên tục tăng và thiết lập kỷ lục mới do nguồn cung thiếu hụt, nhu cầu tiêu dùng và dự trữ tăng.*

► *Giá cà phê Robusta trong nước năm 2024 tăng mạnh theo xu hướng giá thế giới. Ngày 27/12/2024, giá cà phê trong nước tăng từ 54.000 – 54.300 đồng/kg so với cuối năm 2023.*

► *Năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 1,32 triệu tấn, trị giá 5,48 tỷ USD, giảm 18,8% về lượng, nhưng tăng 29,1% về trị giá so với năm 2023.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Năm 2024, giá cà phê thế giới liên tục thiết lập kỷ lục mới, chủ yếu do những lo ngại về việc thiếu hụt nguồn cung từ các quốc gia xuất khẩu lớn như Việt Nam và Bra-xin do thời tiết không thuận lợi. Cùng với đó, việc các quỹ đầu cơ đẩy mạnh mua vào, căng thẳng ở Biển Đỏ gia tăng khiến cước phí vận tải biển tăng cao cũng là những yếu tố khiến giá cà phê tăng mạnh. Ngoài ra, giá cà phê còn được hỗ trợ bởi các quốc gia tăng tích trữ trước mối lo ngại châu Âu thực thi EUDR sau ngày 30/12/2024.

Dự báo năm 2025, giá cà phê thế giới sẽ điều chỉnh giảm do nguồn cung phục hồi. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo, sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ 2024-2025 sẽ phục hồi nhờ sản lượng tăng lên ở Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Bên cạnh đó, thị trường vẫn kỳ vọng sản lượng cà phê niên vụ 2025-2026 của Bra-xin có thể phục hồi khi lượng mưa tại các vùng trồng cà phê chính sẽ cải thiện. Đồng thời, nhu cầu nhập khẩu cà phê của các nước châu Âu cũng sẽ tạm lắng xuống khi quy định EUDR được hoãn thời điểm bắt đầu thi hành sang cuối năm 2025.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 27/12/2024, giá cà phê Robusta giao kỳ hạn tháng 01/2025 và tháng 3/2025 tăng lần lượt 63,9% và 74,6% so với ngày 27/12/2023, lên mức 5.041 USD/tấn và 4.953 USD/tấn.

Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu tháng 3/2024 đến nay *(ĐVT: USD/tấn)*

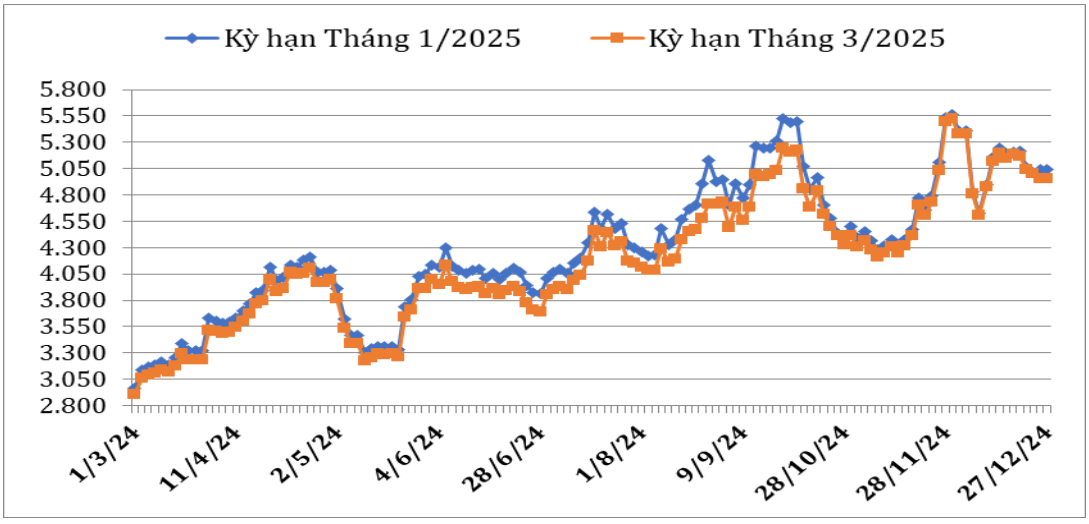

Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 27/12/2024, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2025 và tháng 5/2025, tăng lần lượt 67,0% và 66,6% so với ngày 27/12/2023, lên mức 324,65 Uscent/lb và 319,7 Usent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu tháng 3/2024 đến nay *(ĐVT: Uscent/lb)*

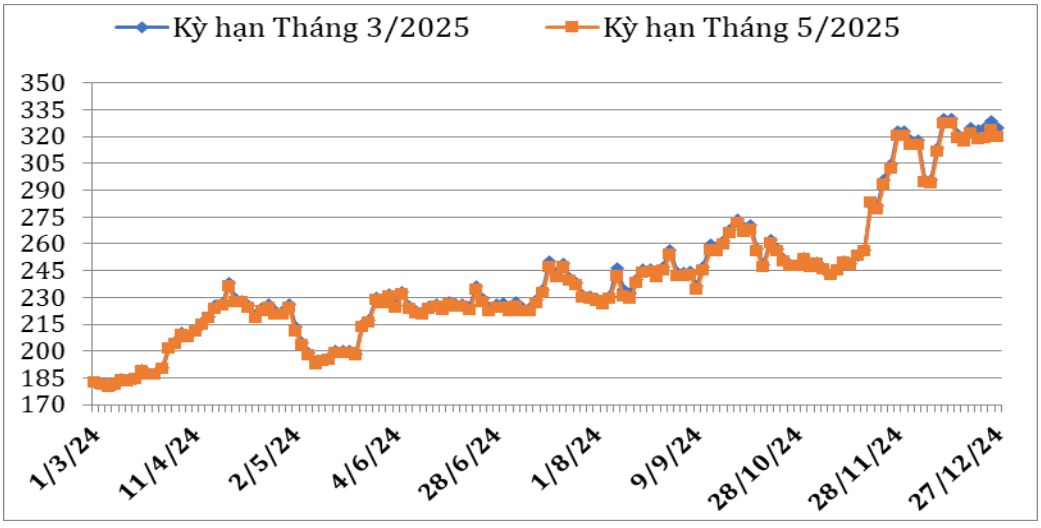

Nguồn: Sàn giao dịch New York

+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 27/12/2024, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 3/2025 và tháng 5/2025 tăng lần lượt 69,3% và 70,9% so với ngày 27/12/2023, lên mức 403,7 Uscent/lb và 396,15 Uscent/lb.

DIỄN BIẾN GIÁ CÀ PHÊ ROBUSTA NỘI ĐỊA

Năm 2024, giá cà phê trong nước tăng mạnh theo đà tăng của thị trường thế giới. Giá cà phê vào ngày 27/12/2024 tăng từ 54.000 – 54.300 đồng/kg so với ngày 27/12/2023, dao động từ 121.500 - 123.300 đồng/kg (tùy từng khu vực khảo sát).

Hiện nay, hoạt động thu hoạch niên vụ 2024 - 2025 tại Việt Nam tiến triển nhanh với mức độ hoàn thành trên 40%.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa năm 2023 – 2024

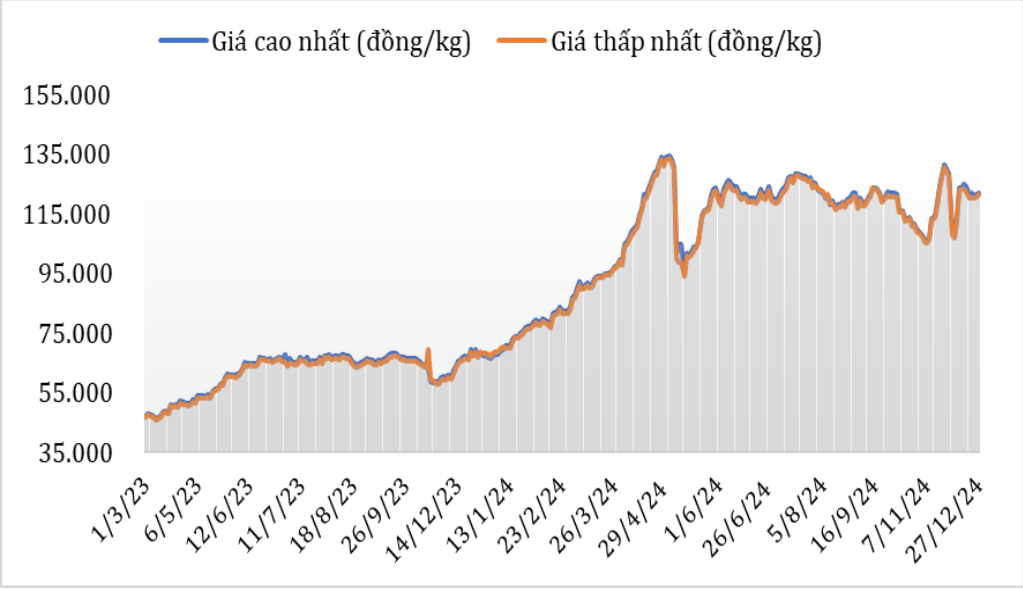

Nguồn: giacaphe.com

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM NĂM 2024

Năm 2024 là một năm thành công đối với ngành cà phê Việt Nam khi trị giá xuất khẩu vượt mốc 5 tỷ USD nhờ giá tăng mạnh. Theo số liệu thống kê sơ bộ, xuất khẩu cà phê của Việt Nam quý IV2024 ước đạt 208,4 nghìn tấn, trị giá 1,16 tỷ USD, giảm 2,1% về lượng, nhưng tăng 3,1% về trị giá so với quý III/2024; giảm 43,7% về lượng, nhưng tăng 3,9% về trị giá so với quý IV/2023.

Tính chung cả năm 2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 1,32 triệu tấn, trị giá 5,48 tỷ USD, giảm 18,8% về lượng, nhưng tăng 29,1% về trị giá so với năm 2023.

Dự báo năm 2025, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khi nguồn cung tăng và nhu cầu tiêu dùng của các nước trên thế giới gia tăng. Theo dự báo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu dự kiến phục hồi trong niên vụ 2024-2025, chủ yếu nhờ sản lượng tăng lên ở Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. Trong khi đó, với mức tiêu thụ đang tăng, lượng cà phê tồn kho toàn cầu vào cuối năm 2024 sẽ giảm hơn nữa, xuống còn 20,9 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê trên toàn cầu năm 2025 chỉ tăng ở mức khiêm tốn khi xuất khẩu tăng lên từ Việt Nam và In-đô-nê-xi-a bù đắp cho sự sụt giảm xuất khẩu dự kiến của Bra-xin. Cụ thể, xuất khẩu cà phê của Việt Nam dự kiến tăng 1,8 triệu bao trong năm 2025, lên 24,4 triệu bao nhờ nguồn cung cải thiện. Trong khi đó, tiêu thụ cà phê toàn cầu trong năm 2025 dự kiến sẽ tăng thêm 5,1 triệu bao, đạt mức 168,1 triệu bao. Phần lớn mức tăng chủ yếu từ Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Trung Quốc.

Khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 – 2024
(ĐVT: nghìn tấn)

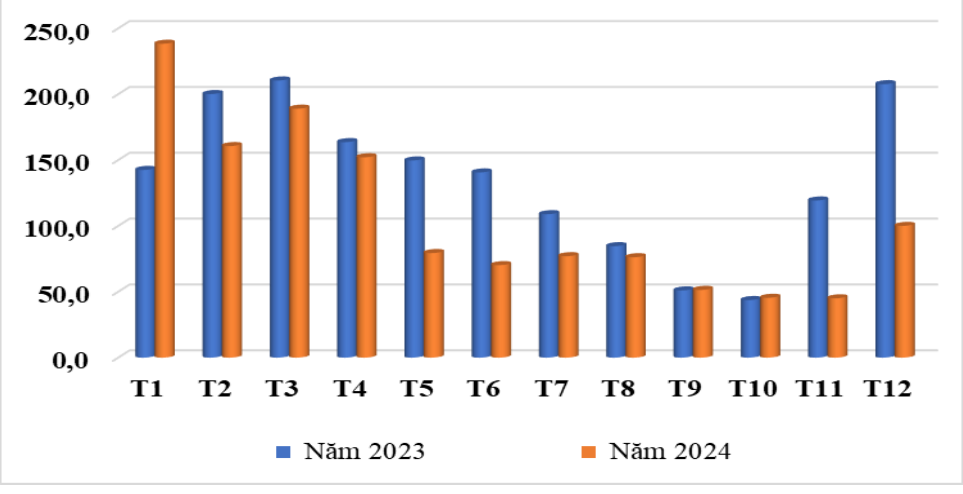

Nguồn: Tổng cục Hải quan
Số liệu ước tính tháng 12/2024

Về giá:

Năm 2024 là một năm đặc biệt với ngành hàng cà phê và lần đầu tiên, giá cà phê Việt Nam cao nhất thế giới. Giá cà phê Robusta xuất khẩu cao hơn giá cà phê Arabica và đây là điều chưa từng xảy ra.

Trong tháng 12/2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu của Việt Nam ước đạt

5.450 USD/tấn, giảm nhẹ 2,3% so với tháng 11/2024, tuy nhiên so với tháng 12/2023 tăng mạnh 88,8%. Tính chung cả năm 2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 4.158 USD/tấn, tăng 59,1% so với năm 2023.

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2024 (ĐVT: USD/tấn)

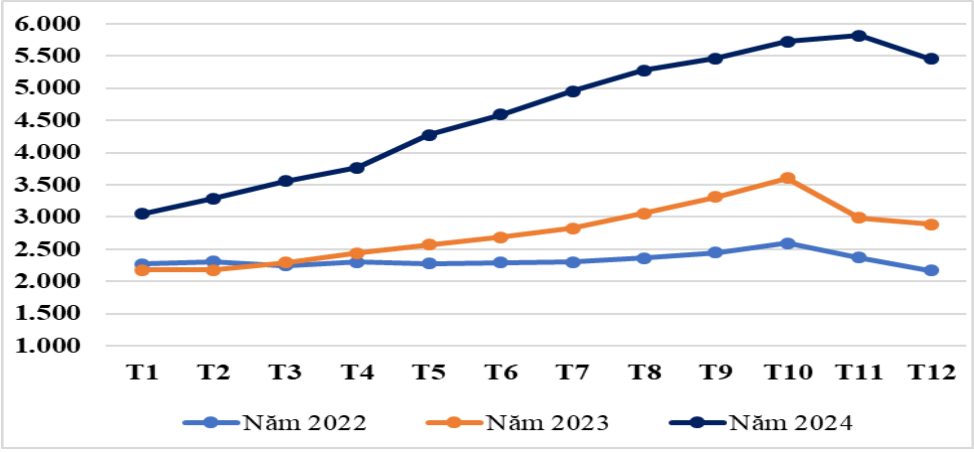

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan
Số liệu ước tính tháng 12/2024

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2024

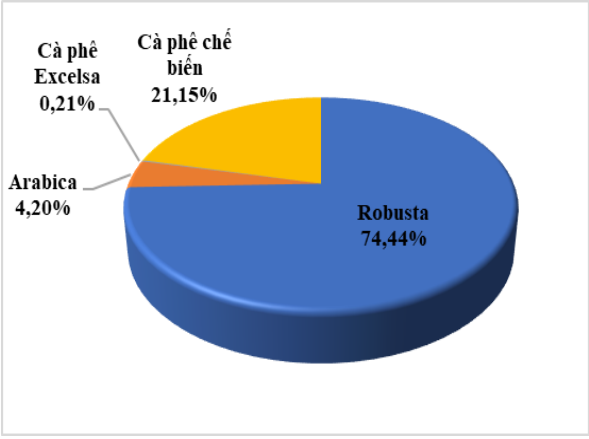

11 tháng năm 2023

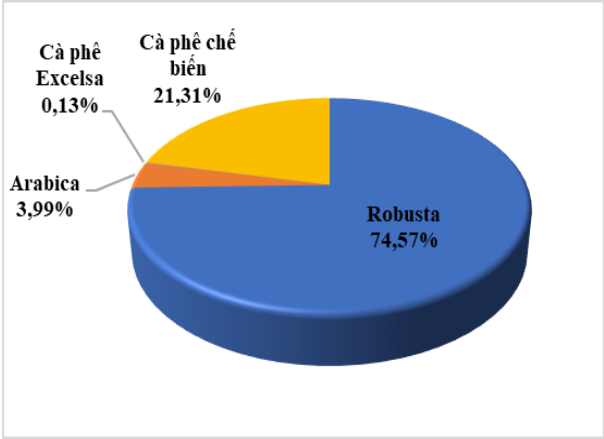

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

11 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê Robusta giảm 18,3% về lượng, nhưng tăng mạnh 35,2% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 1,01 triệu tấn, trị giá 3,67 tỷ USD. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Robusta chiếm 74,44% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước trong 11 tháng năm 2024, gần tương đương so với tỷ trọng 74,57% trong 11 tháng năm 2023.

Trong 11 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu cà phê Arabica đạt 59,5 nghìn tấn, trị giá 207,2 triệu USD, tăng 60,8% về lượng và tăng 42,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng xuất khẩu cà phê Arabica chiếm 4,20% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước trong 11 tháng

năm 2024, cao hơn so với tỷ trọng 3,99% trong 11 tháng năm 2023.

Xuất khẩu cà phê chế biến tăng 34,4% so với 11 tháng năm 2023, đạt 1,04 tỷ USD, chiếm 21,15% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước trong 11 tháng năm 2024.

Chủng loại cà phê xuất khẩu trong tháng 11 và 11 tháng năm 2024

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Chủng loại	Tháng 11/2024		So với tháng 11/2023 (%)		11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	**63.019**	**351.682**	**-47,0**	**-1,3**	**1.217.493**	**4.933.144**	**-14,0**	**35,4**
Robusta	46.086	223.182	-55,2	-16,3	1.008.708	3.672.288	-18,3	35,2
Arabica	1.447	7.632	-5,0	36,0	59.528	207.206	60,8	42,5
Cà phê Excelsa	308	1.611	1.483,3	2.214,8	2.207	10.293	29,5	120,3
Cà phê chế biến		119.257		41,7		1.043.357		34,4

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tại EU: Theo Eurostat, kim ngạch nhập khẩu cà phê của EU trong 9 tháng năm 2024 đạt gần 15,9 tỷ EUR (tương đương 16,5 tỷ USD), tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, tốc độ nhập khẩu cà phê của EU từ Việt Nam ghi nhận mức tăng cao 25,5%, đạt 1,60 tỷ EUR (tương đương 1,67 tỷ USD). Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU tăng từ 8,8% trong 9 tháng năm 2023 lên 10,0% trong 9 tháng năm 2024.

Tại Hoa Kỳ: Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong 10 tháng năm 2024, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê đạt 7,35 tỷ USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Hoa Kỳ nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt xấp xỉ 335,0 triệu USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ mức 4,8% trong 10 tháng năm 2023 xuống 4,6% trong 10 tháng năm 2024.

Tại Trung Quốc: Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu cà phê đạt trên 894 triệu USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Trung Quốc nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đạt 97,4 triệu USD, tăng 161%. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 7,6% trong 11 tháng năm 2023 lên 10,9% trong 11 tháng năm 2024.

Theo USDA, tiêu thụ toàn cầu năm 2025 sẽ tăng thêm 5,1 triệu bao để đạt mức 168,1 triệu bao, chủ yếu từ Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trong đó, nhập khẩu cà phê của EU năm 2025 dự báo tăng 1 triệu bao, lên mức 45 triệu bao nhờ nguồn cung lớn hơn đến từ Việt Nam và In-đô-nê-xi-a. EU vẫn là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới, với mức tiêu thụ dự kiến đạt hơn 42 triệu bao trong niên vụ 2024-2025, tăng hơn 2,4 triệu bao so với niên vụ trước Với Trung Quốc, tiêu thụ cà phê tăng gần 150% trong 10 năm qua và được dự báo đạt 6,3 triệu bao (bao 60 kg) trong niên vụ 2024-2025. Với sản lượng trong nước dao động quanh mức 2 triệu bao, Trung Quốc sẽ phải đẩy mạnh nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa ngày càng tăng. Trong thập niên qua, nhập khẩu cà phê của Trung Quốc tăng gần 3 lần và dự báo đạt mức 5,6 triệu bao trong niên vụ 2024-2025.

5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn nhất thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường	9 tháng năm 2024 (triệu USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tháng 10/2024 (triệu USD)	Tháng 11/2024 (triệu USD)	Lũy kế năm 2024 (triệu USD)	Lũy kế so với cùng kỳ năm 2023 (%)	Thị phần của Việt Nam lũy kế (%)	
							Năm 2024	Năm 2023
EU	16.525	9,5					10,1	8,8
Hoa Kỳ	6.587	1,2	763		7.350	3,3	4,6	4,8
Nhật Bản	1.183	21,9	123,9	117,7	1.425	19,3	23,2	16,7
Trung Quốc	778,6	42,9	58,8	56,9	894	11,7	10,9	4,7
Hàn Quốc	906,9	8,9	135,9	98,9	1.142	59,3	10,9	7,6

Nguồn: Eurostat; Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC); Cơ quan Hải quan Nhật Bản; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; Cơ quan Hải quan Hàn Quốc.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- *10 tháng năm 2024, nhập khẩu hạt điều của Úc đạt 15,3 nghìn tấn, trị giá 83,52 triệu USD, tăng 11,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*
- *11 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 669,54 nghìn tấn, trị giá 3,97 tỷ USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*
- *Thị phần hạt điều của Việt Nam tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Anh ở mức cao.*

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

- Theo số liệu thống kê của Trung tâm thương mại thế giới (ITC), trong 10 tháng năm 2024, Úc nhập khẩu hạt điều (mã HS 080132) đạt 15,3 nghìn tấn, trị giá 83,52 triệu USD, tăng 11,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Về giá: Trong 10 tháng năm 2024, giá bình quân nhập khẩu hạt điều vào Úc đạt mức 5.443 USD/tấn, giảm nhẹ 0,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Về cơ cấu thị trường: Trong 10 tháng năm 2024, Úc nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ Việt Nam, đạt 15,1 nghìn tấn, trị giá 82,5 triệu USD, tăng 10,3% về lượng và tăng 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam cung cấp 98,88% trong tổng lượng nhập khẩu hạt điều vào Úc trong 10 tháng năm 2024

Thị trường cung cấp hạt điều cho Úc trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	10 tháng năm 2024			So với 10 tháng năm 2023 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/ tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	10 tháng năm 2024	10 tháng năm 2023
Tổng	**15.345,9**	**83.522**	**5.443**	**11,1**	**10,3**	**-0,7**	**100**	**100**
Việt Nam	15.174,2	82.523	5.438	10,3	9,5	-0,8	98,88	99,61
Bra-xin	97,5	602	6.173	172,2	208,7	13,4	0,64	0,26
Hoa Kỳ	24,5	150	6.124	0,0	0,0	0,0	0,16	0,00
Bờ Biển Ngà	33,3	142	4.264	109,8	20,3	-42,6	0,22	0,11
In-đô-nê-xi-a	12,5	75	5.996	9.097,1	3.650,0	-59,2	0,08	0,00
Thị trường khác	3,8	30	7.880	167,9	57,9	-41,1	0,02	0,01

Nguồn: ITC

NĂM 2024, XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ SO VỚI NĂM 2023

Theo ước tính, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam năm 2024 đạt 730 nghìn tấn, trị giá 4,37 tỷ USD, tăng 13,3% về lượng và tăng 20,2% về trị giá so với năm 2023. Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt khoảng 6.003 USD/tấn trong năm 2024, tăng 6,1% so với năm 2023.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 669,54 nghìn tấn, trị giá 3,97 tỷ USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 20,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu hạt điều vẫn có xu hướng tăng tới các thị trường truyền thống như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc.

Lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2024 *(ĐVT: Nghìn tấn)*

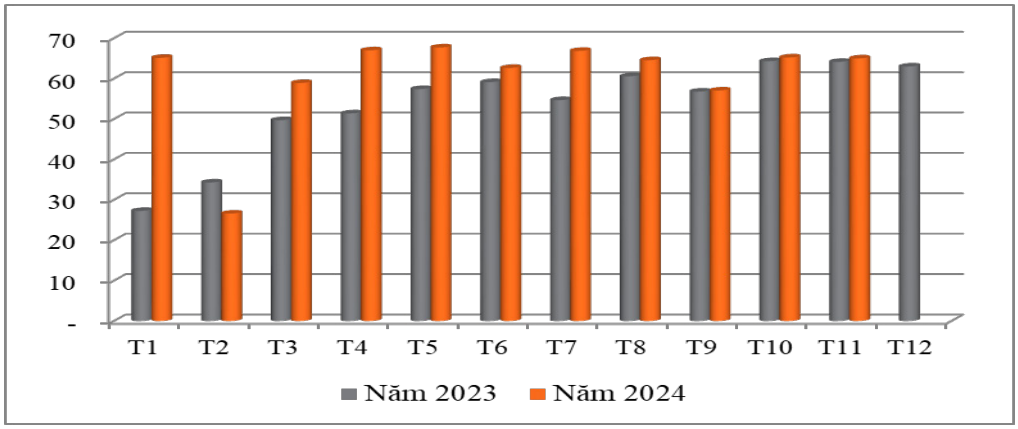

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về khu vực xuất khẩu

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang 3 khu vực thị trường là châu Á, châu Mỹ, châu Âu đều tăng trưởng tốt, trong đó tăng mạnh nhất là xuất khẩu tới khu vực châu Mỹ tăng 25,7% về lượng và tăng 30,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Ngược lại xuất khẩu hạt điều sang châu Đại Dương và châu Phi giảm.

Cơ cấu khu vực xuất khẩu hạt điều

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2023

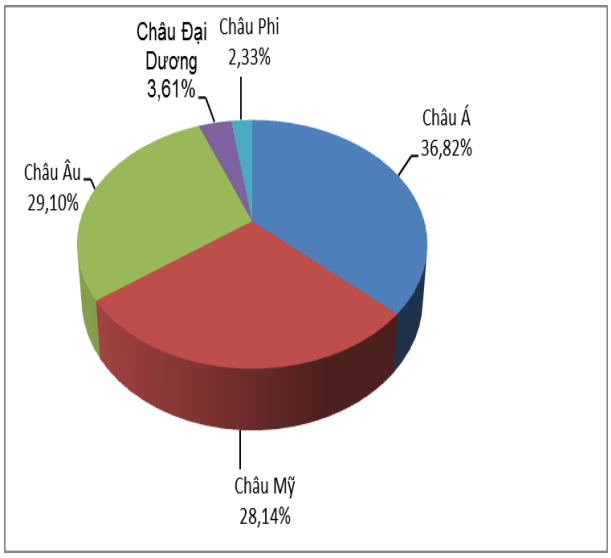

11 tháng năm 2024

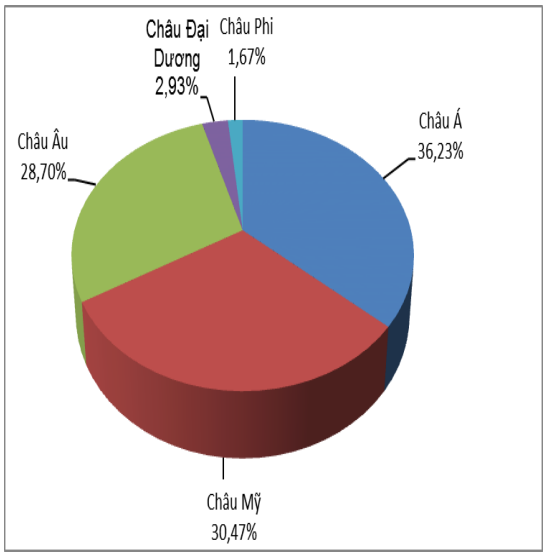

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường

Trong 11 tháng năm 2024, ngành điều Việt Nam đã khai thác khá tốt hầu hết các thị trường xuất khẩu truyền thống và tiềm năng như:

Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 179,48 nghìn tấn, trị giá 1,07 tỷ USD, tăng 24,4% về lượng và tăng 31,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 117,42 nghìn tấn, trị giá 687,84 triệu USD, tăng 18,9% về lượng và tăng 14,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Ngành điều Việt Nam cũng khai thác tốt thị trường EU, xuất khẩu sang nhiều thị trường thành viên Hà Lan, Đức, Tây Ban Nha… đều tăng trưởng.

Những năm qua, ngành điều Việt Nam đã giữ vững ngôi vị đứng đầu thế giới về xuất khẩu điều nhân trong nhiều năm liên tiếp, khẳng định được uy tín của thương hiệu trên thị trường quốc tế. Hạt điều nhân của Việt Nam hiện đã có mặt tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng đều qua các năm.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2023

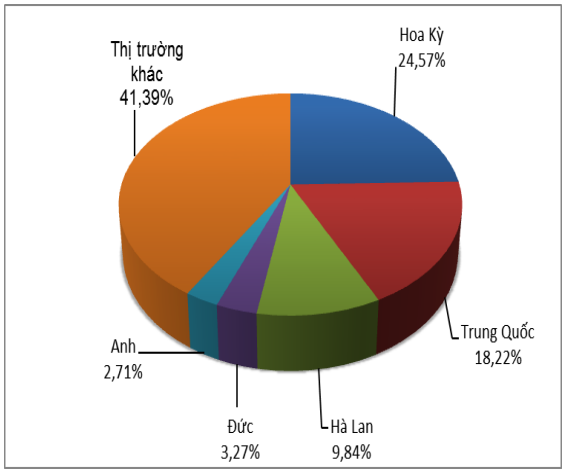

11 tháng năm 2024

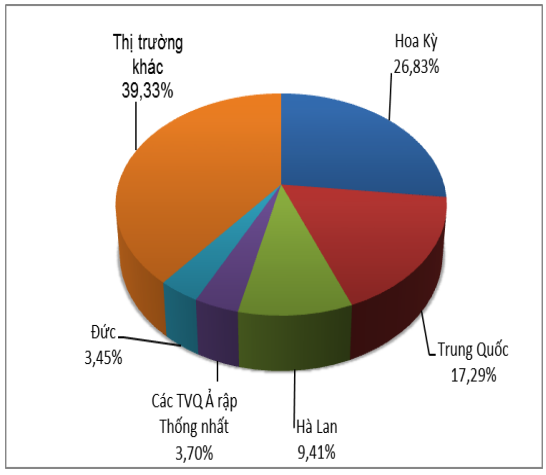

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại

11 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu các chủng loại hạt điều W320, W240, W180, tỷ trọng chiếm 64,2% tổng lượng và chiếm 70,67% tổng kim ngạch xuất khẩu. Do đó, tăng trưởng xuất khẩu các chủng loại hạt điều trên đã tác động tích cực lên toàn ngành.

Ngoài những chủng loại trên, ngành điều Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu các chủng loại hạt điều W450, WS/WB, W210, với tốc độ tăng trưởng khả quan trong 11 tháng năm 2024. Điều này cho thấy, sản phẩm hạt điều chế biến của Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng thế giới ưa chuộng. Đây được cho là tín hiệu rất tích cực đối với ngành điều Việt Nam.

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu của Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2023

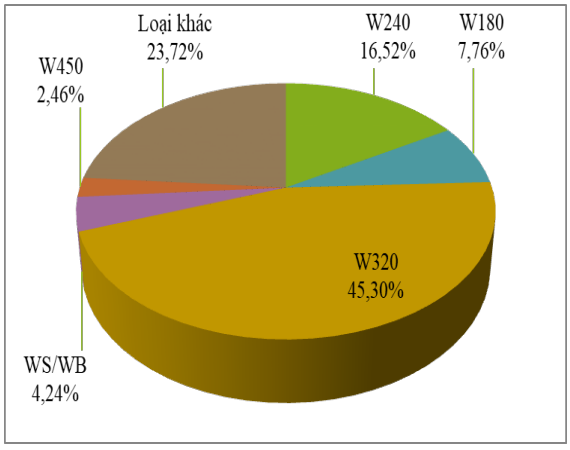

11 tháng năm 2024

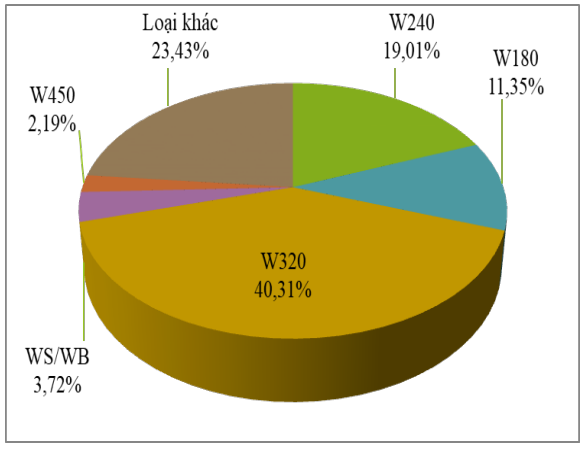

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Diễn biến giá

Tháng 11/2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.642 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng 10/2024 và tăng 20,9% so với tháng 11/2023. Tính chung 11 tháng năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.942 USD/tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các tháng năm 2023 - 2024 *(ĐVT: USD/tấn)*

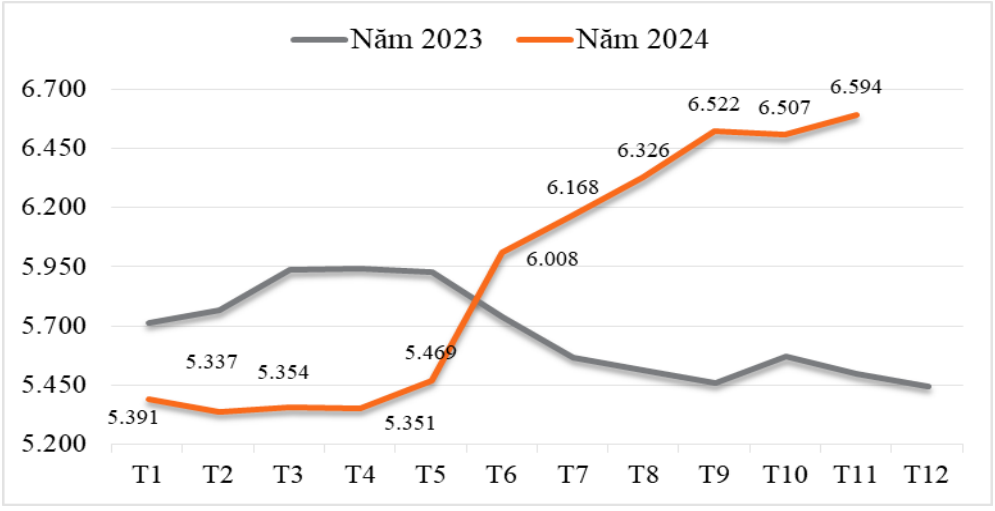

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2024, nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại nhiều thị trường tăng như: Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Anh… Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của các thị trường lớn ở mức cao.

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trong 10 tháng năm 2024, Hoa Kỳ nhập khẩu hạt điều đạt trên 874 triệu USD, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 89,65% trong 10 tháng năm 2024.

Theo số liệu từ Eurostat, nhập khẩu hạt điều vào EU từ các thị trường ngoại khối trong 10 tháng năm 2024 đạt 732 triệu USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU chiếm 71,56% trong 10 tháng năm 2024. Trong số các quốc gia châu Âu, Đức là nước tiêu thụ hạt điều lớn nhất. Nhu cầu về hạt điều làm đồ ăn nhẹ ở Đức theo mùa, đạt đỉnh vào mùa đông và giảm vào mùa hè. Bên cạnh đó, hạt điều ngày càng được sử dụng nhiều trong ngành thực phẩm và đồ uống. Các nhà sản xuất thực phẩm, đồ uống trong khu vực gần đây đã quan tâm đến hạt điều, sử dụng chúng trong bánh quy và ngũ cốc, làm lớp phủ trên kem và để sản xuất bơ hạt điều. Tiêu thụ hạt điều tăng lên do xu hướng ăn vặt lành mạnh ngày càng tăng. Việc sử dụng hạt điều trong thành phần các loại bơ phết và thanh ăn nhẹ ngày càng cao (đặc biệt là sản phẩm hữu cơ).

Theo www.straitsresearch.com, quy mô thị trường hạt điều toàn cầu được định giá 7,78 tỷ USD vào năm 2024, dự kiến sẽ đạt 8,14 tỷ USD vào năm 2025 và tăng lên 11,67 tỷ USD vào năm 2033, tăng trưởng bình quân 4,6%/năm trong giai đoạn dự báo (giai đoạn 2025 - 2033). Động lực tăng trưởng của thị trường hạt điều là sự phát triển của ngành chế biến thực phẩm, được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa, lối sống thay đổi của người tiêu dùng và nhu cầu về thực phẩm tiện lợi. Theo đó, hạt điều được sử dụng rộng rãi trong ngành chế biến thực phẩm để làm đồ ăn nhẹ, bánh kẹo, sản phẩm bánh mì... Với xu hướng này, nhu cầu nhập khẩu hạt điều của các thị trường lớn nhiều khả năng sẽ vẫn có xu hướng tăng trong thời gian tới.

5 thị trường nhập khẩu hạt điều (mã HS 080131; 080132) đạt trị giá cao trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2024 (Triệu USD)		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Thị phần NK từ Việt Nam năm 2024 (%)	
	10 tháng	Tháng 11	10 tháng	Tháng 11	10 tháng	Tháng 11
Hoa Kỳ	874		27,5		89,65	
EU nhập khẩu từ ngoài khối	732		4,9		71,56	
Trung Quốc	181	23	-9,6	-28,2	75,82	88,02
Anh	119		0,3		89,14	
Nhật Bản	65		-15,5		54,45	

Nguồn: Eurostat; Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; ITC

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

► *Trong 11 tháng năm 2024, nhập khẩu sầu riêng vào Trung Quốc đạt 1,53 triệu tấn, trị giá 6,83 tỷ USD, tăng 9,4% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần sầu riêng của Việt Nam chiếm 47,09% trong tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc trong thời gian này.*

► *Nhập khẩu dừa của Trung Quốc trong 11 tháng năm 2024 đạt 1,25 triệu tấn, trị giá 649,55 triệu USD, giảm 44,6% về lượng và giảm 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam là nguồn cung dừa lớn thứ ba cho Trung Quốc, chiếm 20,2% tổng lượng nhập khẩu của thị trường trong 11 tháng năm 2024.*

► *Năm 2024, xuất khẩu rau quả của Việt Nam ghi nhận mức cao kỷ lục, ước đạt 7,12 tỷ USD. Ngành hàng rau quả Việt Nam ngày càng khẳng định được vị thế tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc ...*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2024, nhập khẩu sầu riêng của nước này đạt 1,53 triệu tấn, trị giá 6,83 tỷ USD, tăng 9,4% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu sầu riêng từ các nguồn cung Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, nhưng giảm nhập khẩu từ Thái Lan.

Về giá: Giá bình quân nhập khẩu sầu riêng vào Trung Quốc trong 11 tháng năm 2024 đạt mức 4.464 USD/tấn, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu sầu riêng từ Việt Nam vào Trung Quốc giảm 8%, xuống mức 3.975 USD/tấn; từ Phi-líp-pin giảm 31,8%, xuống 2.408 USD/tấn. Ngược lại, giá bình quân nhập khẩu sầu riêng từ Thái Lan vào Trung Quốc tăng 0,6%, lên mức 4.938 USD/tấn.

Nguồn cung sầu riêng (mã HS 081060) cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2024 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	11 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)			Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2023
Tổng	**1.530.534**	**6.832.502**	**4.464**	**9,4**	**3,9**	**-5,1**	**100,00**	**100,00**
Thái Lan	796.338	3.932.033	4.938	-13,0	-12,5	0,6	52,03	65,44
Việt Nam	*720.655*	*2.864.277*	*3.975*	*50,2*	*38,2*	*-8,0*	*47,09*	*34,29*
Phi-líp-pin	13.297	32.015	2.408	255,7	142,7	-31,8	0,87	0,27
Ma-lai-xi-a	245	4.177	17.069					

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

- Theo số liệu từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2024, nhập khẩu dừa của nước này đạt 1,25 triệu tấn, trị giá 649,55 triệu USD, giảm 44,6% về lượng và giảm 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Trung Quốc giảm mạnh nhập khẩu dừa từ hầu hết các nguồn cung lớn như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, nhưng tăng nhập khẩu từ Phi-líp-pin, Căm-pu-chia, Xri Lan-ca.

Nguồn cung dừa (mã HS 0801) cho Trung Quốc trong 11 tháng năm 2024 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	11 tháng năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)			Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/ tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2023
Tổng	**1.252.885**	**649.554**	**518**	**-44,6**	**-43,7**	**1,5**	**100,00**	**100,00**
Thái Lan	428.256	382.294	893	-61,3	-53,8	19,4	34,18	48,99
In-đô-nê-xi-a	528.476	159.343	302	-24,5	-15,9	11,4	42,18	30,97
Việt Nam	*253.048*	*74.711*	*295*	*-40,3*	*-30,3*	*16,8*	*20,20*	*18,75*
Phi-líp-pin	40.910	30.750	752	47,2	13,5	-22,9	3,27	1,23
Ma-lai-xi-a	996	1.427	1.433	-31,0	-32,2	-1,7	0,08	0,06
Căm-pu-chia	1.052	614	583				0,08	0,00
Xri Lan-ca	146	405	2.776	8,0	15,2	6,6	0,01	0,01
Hoa Kỳ	1	9	8.419	18,4	9,8	-7,2	0,00	0,00

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

NĂM 2024, KIM NGẠCH XUẤT KHẨU RAU QUẢ GHI NHẬN MỨC CAO KỶ LỤC, ƯỚC ĐẠT 7,12 TỶ USD

Năm 2024, hoạt động xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam đạt được nhiều thành công cả về thị trường, sản lượng và trị giá xuất khẩu. Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam ghi nhận mức cao kỷ lục, đạt khoảng 7,12 tỷ USD trong năm 2024, tăng 27,1% so với năm 2023. Như vậy, so với con số 1,84 tỷ USD vào năm 2015, ngành hàng rau quả Việt Nam đã có bước phát triển "nhảy vọt" trong một thập kỷ qua.

Từ kết quả trên, ngành hàng rau quả Việt Nam hoàn toàn có cơ sở để kỳ vọng năm 2025 xuất khẩu rau quả sẽ tiếp tục ghi nhận mức cao kỷ lục mới, tốc độ tăng trưởng dự kiến trên 20% so với năm 2024.

Kế hoạch đặt ra cho ngành hàng rau quả năm 2025 dựa trên nhu cầu tiêu thụ mặt hàng này tăng trên thế giới. Bên cạnh đó, nhiều loại trái cây của Việt Nam đã khẳng định được vị thế tại các thị trường xuất khẩu, đồng thời một số chủng loại trái cây chủ lực dự kiến sẽ được cấp phép xuất khẩu vào các thị trường lớn. Mặt hàng sầu riêng đông lạnh, dừa tươi xuất khẩu sang Trung Quốc, chanh dây hiện nay đang đàm phán với Hoa Kỳ để xuất khẩu. Theo thông tin từ Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn), dự kiến vào năm 2025, trái chanh dây của Việt Nam sẽ chính thức được cấp phép xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, chanh dây cũng là loại trái cây tươi thứ 5 của Việt Nam được chính thức xuất khẩu sang Úc.

Xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2024
(ĐVT: Tỷ USD)

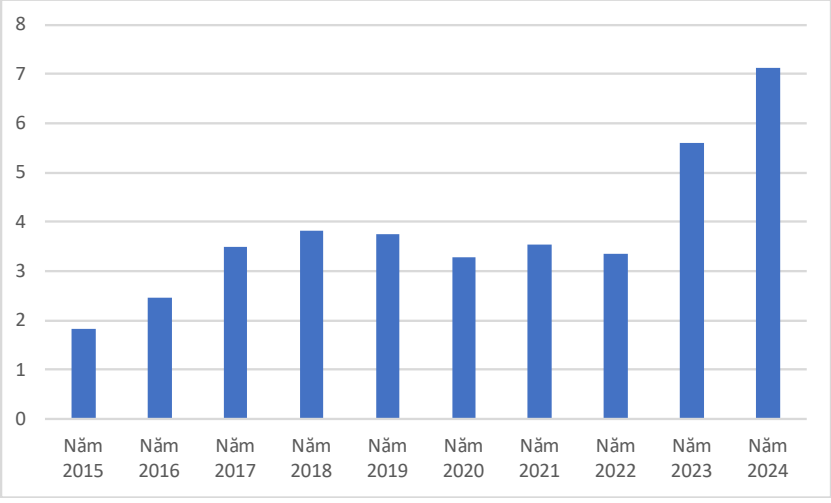

Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính năm 2024

Tuy nhiên, xuất khẩu rau quả cũng đang đối diện với nhiều khó khăn khi các quốc gia tăng cường kiểm tra hàng hoá nhập khẩu. Đơn cử mới đây, Văn phòng SPS Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đã có thông báo gửi Cục Bảo vệ thực vật và Hiệp hội Rau quả Việt Nam liên quan đến việc sửa đổi Quy định (EU) 2019/1793 về tạm thời tăng cường kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số nước thứ ba vào EU. Theo đó, với sầu riêng của Việt Nam, EU tạm thời tăng tần suất kiểm tra tại biên giới từ 10% lên 20%.

Với quả thanh long, ớt và đậu bắp, EU giữ nguyên tần suất kiểm tra tại biên giới.

Trong đó, tần suất kiểm tra thanh long là 30%, ớt và đậu bắp cùng tần suất 50%. Ba sản phẩm này khi nhập khẩu vào thị trường EU phải kèm theo kết quả phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

Để đầu ra cho sản phẩm ổn định, cùng với việc bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng thì các doanh nghiệp rau quả Việt Nam cần đẩy mạnh khâu chế biến, tập trung vào chế biến sâu, vừa nâng cao giá trị gia tăng, vừa hạn chế rủi ro mùa vụ như xuất khẩu tươi. Hiện nay, sản lượng rau quả tươi được chế biến vẫn còn ít trong khi sản lượng thu hoạch hàng năm rất lớn. Đây được cho là một trong những nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam vẫn chiếm tỷ trọng thấp tại các thị trường, khu vực thị trường có nhu cầu lớn về sản phẩm chế biến như châu Âu, Hoa Kỳ, Hàn Quốc...

Về khu vực xuất khẩu

Trong 11 tháng năm 2024, hàng rau quả Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang khu vực châu Á, tỷ trọng chiếm tới 85,06% tổng kim ngạch; tiếp theo là châu Mỹ, tỷ trọng chiếm 6,17%; châu Âu tỷ trọng chiếm 5,82%.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu hàng rau quả

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

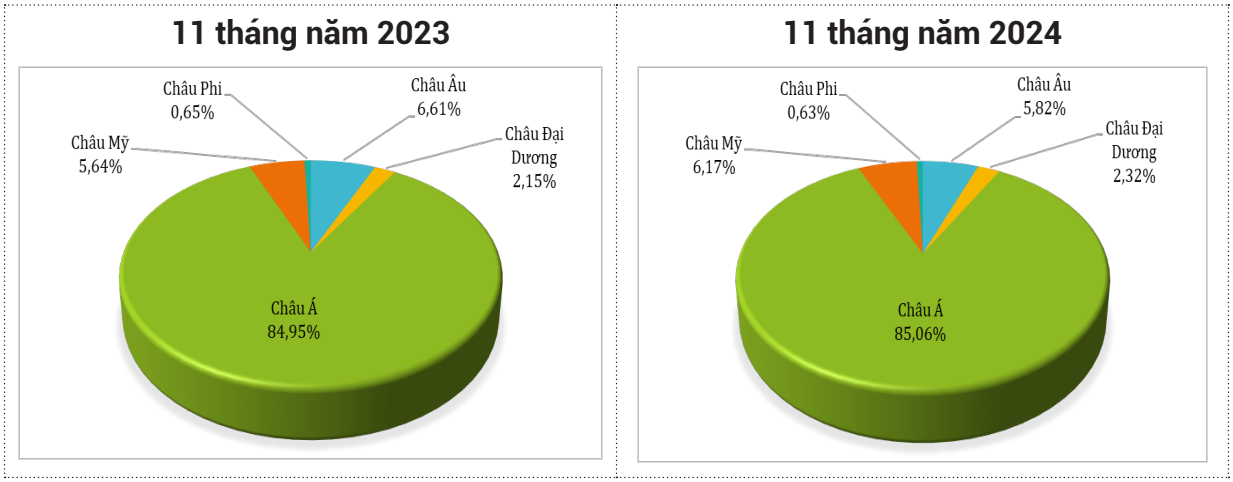

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường

Trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu rau quả sang hầu hết thị trường truyền thống và tiềm năng tăng cao so với cùng kỳ năm 2023, ngoại trừ thị trường Hà Lan.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu rau quả

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

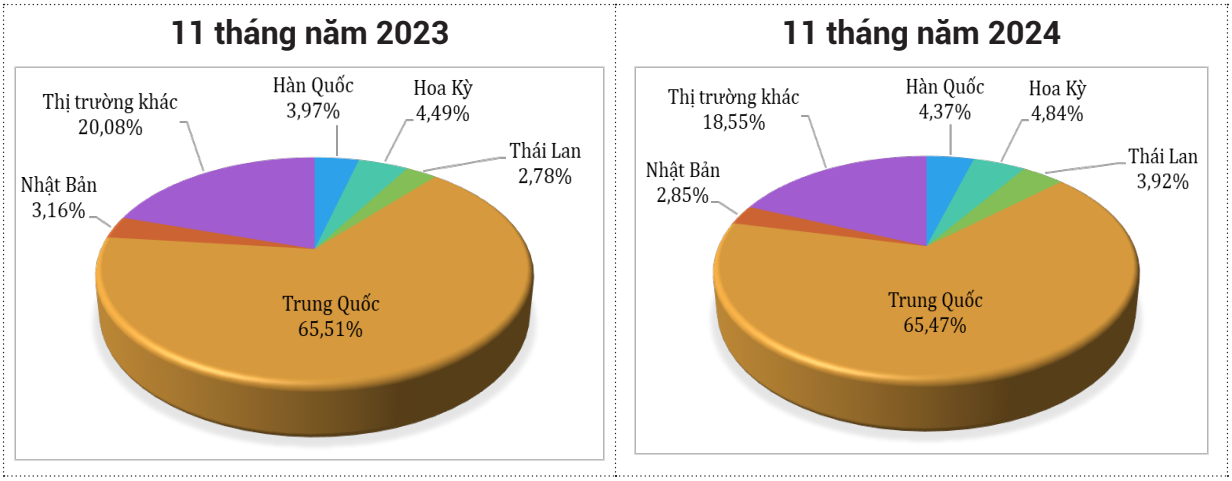

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại

Trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hầu hết các loại trái cây, rau củ tăng so với cùng kỳ năm 2023, ngoại trừ thanh long. Đáng chú ý, nhiều chủng loại trái cây (gồm cả tươi, đông lạnh, chế biến) xuất khẩu ghi nhận mức tăng trưởng từ 2 đến 3 con số, gồm: sầu riêng, chuối, mít, xoài, dừa, dưa hấu, nhãn ...

Cơ cấu chủng loại rau quả xuất khẩu

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

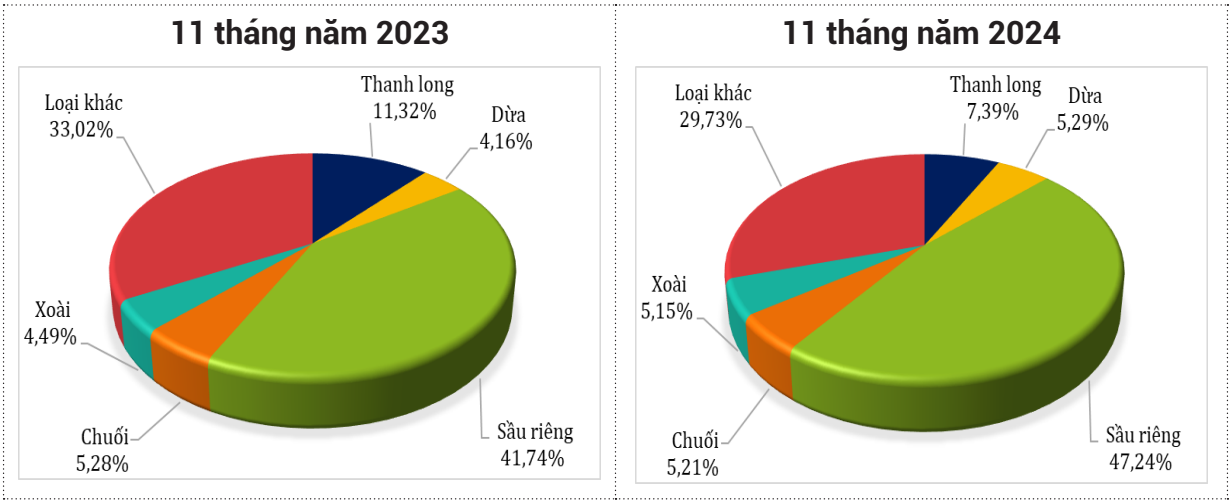

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU RAU QUẢ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Năm 2024, nhu cầu tiêu thụ rau quả toàn cầu tăng, bất chấp những ảnh hưởng từ lạm phát cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài. Việt Nam, với nguồn cung rau quả ổn định, chất lượng ngày càng được cải thiện và việc tận dụng tốt cơ hội các FTA mang lại, đã khai thác thành công nhiều thị trường có dung lượng nhập khẩu lớn như Hoa Kỳ, châu Âu, Trung Quốc, Anh, Nhật Bản ...

Thông tin từ https://www.statista.com cho biết, kim ngạch nhập khẩu trái cây toàn cầu ước đạt 118,4 tỷ USD năm 2024, tốc độ tăng trưởng hàng năm dự kiến là 2,2% trong giai đoạn 2024 – 2029. Tiêu thụ bình quân đầu người đối với rau củ và trái cây tươi dự kiến đạt 72,3 kg/người/năm 2024, dự kiến sẽ tăng 4,3% vào năm 2025.

Đối với phân khúc trái cây chế biến, thông tin từ https://www.globenewswire.com cho biết, thị trường chế biến trái cây toàn cầu ước tính đạt 50,21 tỷ USD vào năm 2024; thị trường này dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức bình quân là 6,2% trong giai đoạn 2024 - 2034, đạt 91,63 tỷ USD.

Tại Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC), 10 tháng năm 2024, Hoa Kỳ nhập khẩu

rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến đạt trên 46,67 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đạt 479 triệu USD, thị phần chiếm 1,03% tổng kim ngạch nhập khẩu vào Hoa Kỳ trong 10 tháng năm 2024.

Thị trường trái cây chế biến của Hoa Kỳ đang chứng kiến doanh thu tăng nhanh, dự kiến đạt 5,34 tỷ USD vào năm 2024 và tăng trưởng ở tốc độ CAGR là 6,6% để đạt 10,15 tỷ USD vào năm 2034. Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng đối với các giải pháp dạng bột tùy chỉnh, vì sự tiện lợi và các sản phẩm ngày càng được ưa chuộng.

EU là thị trường tiêu thụ lớn và ổn định đối với hầu hết các loại trái cây và rau củ tươi. Nhu cầu về nguồn cung quanh năm và nhiều loại sản phẩm giúp duy trì sự phụ thuộc của EU vào các nhà cung cấp ngoại khối. Theo Eurostat, 10 tháng năm 2024, EU nhập khẩu rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến từ thị trường ngoại khối đạt xấp xỉ 28,9 tỷ EUR (tương đương trên 30 tỷ USD), tăng 7,9% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, EU nhập khẩu rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến từ Việt Nam đạt 206 triệu EUR (tương đương 214 triệu USD), tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2023, thị phần chiếm 0,71% trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của EU từ thị trường ngoại khối trong 10 tháng năm 2024.

Đối với thị trường Trung Quốc, trong 10 tháng năm 2024, Trung Quốc giảm nhập khẩu rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến từ thế giới, mức giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 20,7 tỷ USD. Tuy nhiên, Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu từ Việt Nam, mức tăng 27,8% so với 10 tháng năm 2023, đạt xấp xỉ 3,83 tỷ USD, thị phần chiếm 18,49%.

Với kết quả khả quan đạt được trong năm 2024, dự báo năm 2025 và những năm tiếp theo, ngành hàng rau quả Việt Nam sẽ tiếp tục khẳng định được vị thế trên thị trường quốc tế.

5 thị trường nhập khẩu rau, hoa, củ quả và sản phẩm chế biến đạt trị giá cao trong 10 tháng năm 2024

Thị trường	Nhập khẩu từ thế giới năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Nhập khẩu từ Việt Nam năm 2024		Thị phần NK từ Việt Nam trong các tháng năm 2024 (%)	
	10 tháng	Tháng 11	10 tháng	Tháng 11	10 tháng	Tháng 11	10 tháng	Tháng 11
Hoa Kỳ	46.675		6,8		479		1,03	
EU nhập khẩu từ ngoại khối	30.030		7,9		214		0,71	
Trung Quốc	20.700	1.483	-1,6	0,5	3.827	227	18,49	15,29
Anh	16.663		12,4		51		0,31	
Nhật Bản	8.621		1,8		220		2,55	

Nguồn: Eurostat. Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Cơ quan Hải quan Trung Quốc; ITC

(*) Ghi chú: Rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến có mã HS 06, 07, 08 – không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132 và HS 20.

THỊ TRƯỜNG THỊT

- *Theo Ủy ban châu Âu, tiêu thụ thịt của EU trong giai đoạn đến năm 2035 sẽ giảm.*
- *Tháng 12/2024, giá lợn hơi trong nước có xu hướng tăng so với tháng trước, dao động trong khoảng 63.000-69.000 đồng/kg.*
- *11 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam tăng 3,1% về lượng, nhưng giảm 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023; Nhập khẩu thịt lợn và sản phẩm từ thịt lợn giảm 10,7% về lượng và giảm 17,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Dự báo thị trường thịt EU giai đoạn đến năm 2035:

+ Thịt lợn

Ủy ban châu Âu đã công bố báo cáo triển vọng nông nghiệp EU mới nhất, theo đó tiêu thụ thịt lợn ở EU dự kiến sẽ giảm 0,4% mỗi năm, xuống còn 30 kg/người vào năm 2035, do đang bị thách thức bởi những lo ngại về tính bền vững.

Trong đó, các hệ thống sản xuất thịt lợn công nghiệp có khả năng phải đối mặt với nhiều chỉ trích hơn nữa từ xã hội, điều này góp phần làm giảm sản lượng thịt lợn của EU. Dịch tả lợn châu Phi được cho là vẫn tồn tại ở EU nhưng không có bất kỳ đợt bùng phát lớn hoặc ngoài tầm kiểm soát nào.

Mặc dù xuất khẩu thịt lợn của EU đã tăng trong thời gian trước, tuy nhiên dự kiến sẽ giảm ở mức trung bình 338.000 tấn trong giai đoạn từ 2022/24 đến năm 2035 do sản lượng thịt lợn ở các nước châu Á phục hồi. Tính từ năm 2024, khối lượng xuất khẩu của EU được dự báo sẽ duy trì gần như ổn định cho đến năm 2035.

Giá thịt lợn có thể vẫn duy trì ở mức cao hơn so với mức trước đây do chi phí tăng và nguồn cung của EU giảm.

+ Các loại thịt khác

Sản lượng thịt bò EU được dự báo sẽ giảm do các lo ngại về tính bền vững, lợi nhuận thấp, và khung pháp lý nghiêm ngặt hơn. Tương tự, tiêu thụ thịt bò cũng được dự kiến sẽ giảm do nguồn cung khan hiếm và giá cao.

Thịt gia cầm có thể tiếp tục hưởng lợi nhờ hình ảnh lành mạnh hơn và giá cả tương đối rẻ hơn. Cùng với các cơ hội xuất khẩu mở rộng, điều này sẽ thúc đẩy sản lượng gia cầm tăng từ nay đến năm 2035, mặc dù với tốc độ tăng trưởng hàng năm thấp hơn so với thập kỷ trước.

Dự kiến sản lượng thịt cừu và thịt dê sẽ tiếp tục giảm (mặc dù có xu hướng khác nhau giữa các nước EU). Dự kiến mức tiêu thụ bình quân thịt tại EU sẽ vẫn tương đối ổn định do các mô hình tiêu thụ bền vững liên quan đến truyền thống văn hóa.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Năm 2024 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho ngành chăn nuôi lợn của nước ta, khi các tiến bộ công nghệ và quản lý hiện đại đang tạo ra những thay đổi tích cực và đầy hứa hẹn. Trước những thách thức về dịch bệnh, biến động thị trường và áp lực môi trường, ngành chăn nuôi lợn đã chứng kiến sự gia tăng của các mô hình chăn nuôi bền vững, áp dụng công nghệ cao và chiến lược kinh doanh thông minh. Những cải tiến này không chỉ giúp tăng năng suất và chất lượng thịt lợn, mà còn góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cải thiện phúc lợi động vật.

Do đó, thị trường tiêu thụ thịt lợn đang ngày càng mở rộng, đặc biệt là tại các quốc gia châu Á, nơi thịt lợn là một phần quan trọng trong chế độ ăn hàng ngày. Sự gia tăng thu nhập và nhận thức về dinh dưỡng đã thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thịt lợn chất lượng cao. Các doanh nghiệp chăn nuôi lợn cũng đang nắm bắt cơ hội này để phát triển các sản phẩm thịt lợn hữu cơ và các sản phẩm chế biến sẵn, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường. Đồng thời, việc mở rộng hợp tác quốc tế và tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh mới, giúp nâng cao giá trị và tăng trưởng bền vững cho ngành chăn nuôi lợn nước ta.

Trong tháng 12/2024, giá lợn hơi trên cả nước tăng so với tháng trước, giá khảo sát ở các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 63.000-69.000 đồng/kg. Cụ thể:

Giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 63.000 - 69.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng 11 giá giảm 1.000 đồng/kg, đến giữa tháng ổn định, rồi tăng 1.000 đồng/kg, những ngày cuối tháng tiếp tục tăng từ 2.000 -6.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên dao động trong khoảng 63.000 - 68.000 đồng/kg, trong những ngày đầu tháng giá lợn hơi tăng từ 1.000 - 2.000 đồng/kg, đến giữa tháng tăng từ 2.000 - 5.000 đồng/kg, đến gần cuối tháng tiếp tục tăng 6.000-7.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Giá lợn hơi tại khu vực miền Nam dao động trong khoảng 64.000-68.000 đồng/kg, những ngày đầu tháng giá lợn hơi tăng 2.000 đồng/kg, sau đó tiếp tục tăng 1.000-3.000 đồng/kg so với những ngày giữa tháng trước, đến những ngày cuối tháng tăng từ 4.000-5.000 đồng/kg so với những ngày cuối tháng 11/2024.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước từ đầu năm 2024 đến nay

(ĐVT: nghìn đồng)

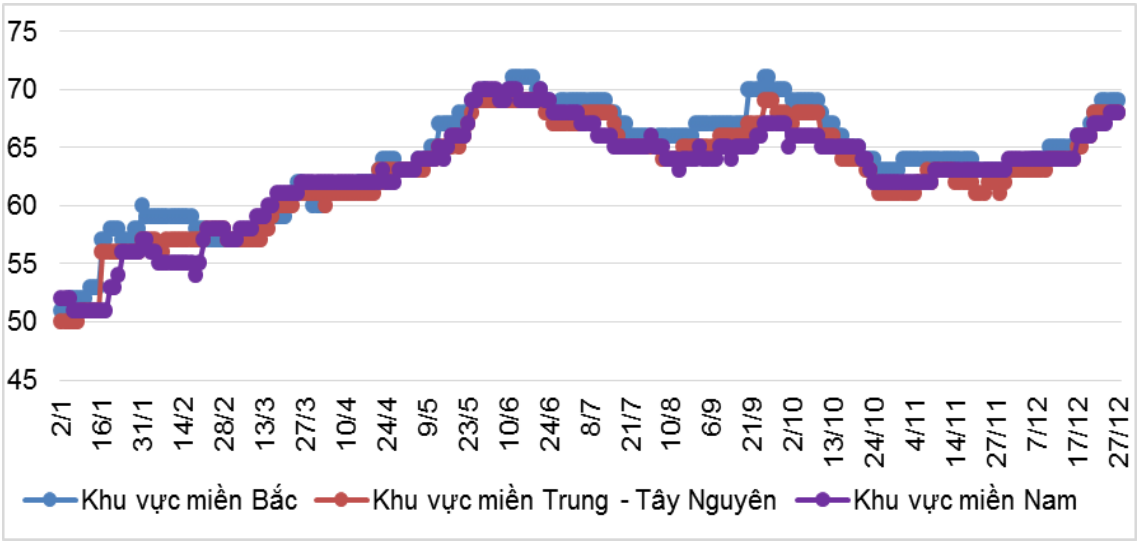

Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM

+ Xuất khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 11 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 20,9 nghìn tấn thịt và các sản phẩm thịt, trị giá 97,52 triệu USD, tăng 3,1% về lượng, nhưng giảm 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trong 11 tháng năm 2024, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu tới thêm 2 thị trường, nâng tổng số 37 thị trường xuất khẩu. Trong đó, Hồng Công vẫn là thị trường xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt lớn nhất của Việt Nam, chiếm 48,33% về lượng và chiếm 60,94% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của nước ta, đạt 10,1 nghìn tấn, trị giá 59,43 triệu USD, tăng 14,9% về lượng và tăng 8,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Sản phẩm thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Công chủ yếu vẫn là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh.

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt tới một số thị trường đạt mức tăng trưởng tốt cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023 như: Bỉ, Pháp, Tây Ban Nha, Lào, Xin-ga-po. Tuy nhiên, xuất khẩu cũng giảm cả về lượng và trị giá tới một số thị trường như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Ma-lai-xi-a, Căm-pu-chia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan...

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2023

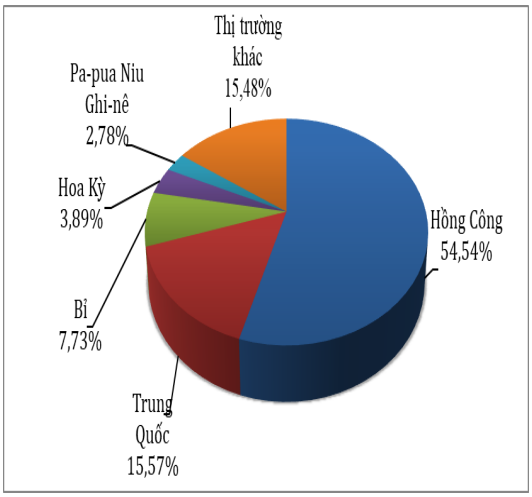

11 tháng năm 2024

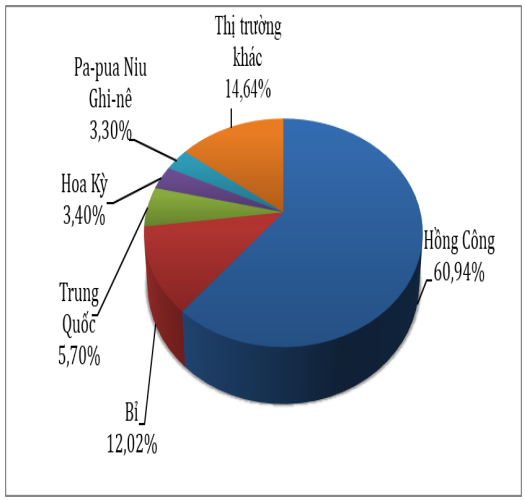

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam chủ yếu gồm các chủng loại như: thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 41,1% về lượng và chiếm 54,2% về trị giá; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 32,5% về lượng và chiếm 24,6% về trị giá; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh chiếm 23,8% về lượng và chiếm 19,4% về trị giá; Các chủng loại khác chiếm 2,6% về lượng và chiếm 1,8% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam 11 tháng năm 2024.

Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất, với lượng đạt 8,6 nghìn tấn, trị giá 52,89 triệu USD, giảm 13,1% về lượng và giảm 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu tới thị trường Hồng Công giảm 9,8% về lượng và giảm 7,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, trái lại xuất khẩu sang các thị trường như Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po vẫn tăng trưởng tốt.

+ Nhập khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, Việt Nam nhập khẩu 782,25 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 1,58 tỷ USD, tăng 13,2% về lượng và tăng 15,7% về trị giá so với 11 tháng năm 2023.

Ấn Độ vẫn là thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 22,39% trong tổng lượng thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu vào nước ta, với 175,16 nghìn tấn, trị giá 581,09 triệu USD, tăng 10,1% về lượng và tăng 23,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt từ nhiều thị trường tiếp tục tăng trưởng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2023 như: Úc, Ca-na-đa, Ba Lan, Hàn Quốc, Hà Lan, Ác-hen-ti-na, Hồng Công, I-ran, Ý, Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Bỉ, Niu-Di-Lân, Pháp, UAE, Trung Quốc... Tuy nhiên, nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam vẫn giảm từ một số thị trường lớn như: Nga, Bra-xin, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt cho Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

11 tháng năm 2023

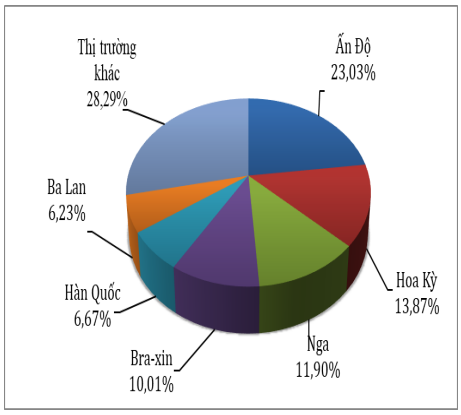

11 tháng năm 2024

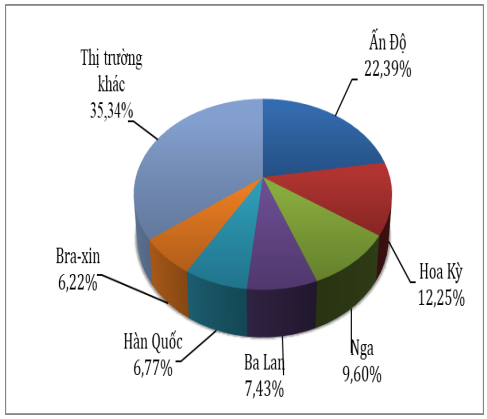

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2024, các chủng loại thịt Việt Nam chủ yếu nhập khẩu gồm: thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh… Lượng nhập khẩu các chủng loại đều tăng, trừ thịt lợn tươi ướp lạnh giảm cả về lượng và trị giá so với 11 tháng năm 2023.

Nhập khẩu thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh vào Việt Nam trong 11 tháng năm 2024 đạt 100,4 nghìn tấn, trị giá 227,38 triệu USD, giảm 10,7% về lượng và giảm 17,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá trung bình nhập khẩu thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh về Việt Nam ở mức 2.258 USD/tấn, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. 11 tháng năm 2024, Việt Nam nhập khẩu thịt lợn từ hơn 40 thị trường trên thế giới, trong đó Bra-xin chiếm 37,76% tổng lượng thịt lợn nhập khẩu vào Việt Nam; tiếp đến là nhập khẩu từ Nga chiếm 30,64%; Ca-na-đa chiếm 6,4%, Đức chiếm 6,35%, Hà Lan chiếm 4,78%, các thị trường khác chiếm 14,06%.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn cho Việt Nam
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

11 tháng năm 2023

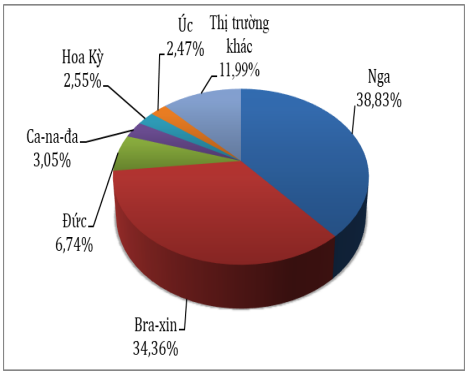

11 tháng năm 2024

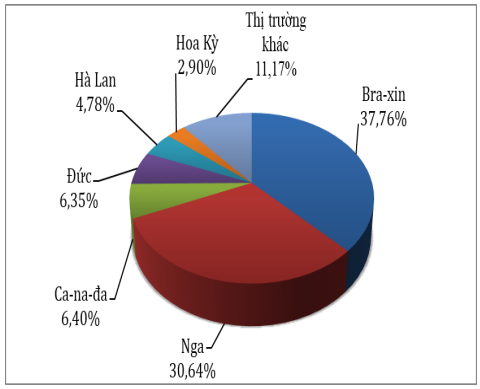

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- *11 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 19,7 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2023.*
- *10 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất và các bộ phận của Thái Lan đạt 42,4 tỷ THB (tương đương 1,2 tỷ USD), tăng 7,22% so với cùng kỳ năm 2023.*
- *Ước tính xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam năm 2024 đạt 16,2 tỷ USD, tăng 20,3% so với năm 2023.*
- *Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường chính như EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa đều tăng, nhưng thị phần tại Nhật Bản giảm.*

THỊ TRƯỜNG GỖ VA SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Trung Quốc: Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 11/2024 trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 1,1 tỷ USD, giảm 48,5% so với tháng 11/2023. Tính chung 11 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 19,7 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới một số thị trường chính trong 11 tháng năm 2024 như: Hoa Kỳ đạt 5,9 tỷ USD, giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp theo là thị trường Anh đạt 1,35 tỷ USD, tăng 8,2%; Úc đạt 1,27 tỷ USD, tăng 5,9%; Nhật Bản đạt 1,07 tỷ USD, giảm 7,8%; Hàn Quốc đạt 925 triệu USD, giảm 19,7%...

Thái Lan : Dẫn nguồn thailandwoodworking.com, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu đồ nội thất và các bộ phận của Thái Lan đạt 42,4 tỷ THB (tương đương 1,2 tỷ USD), tăng 7,22% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, Thái Lan xuất khẩu đồ nội thất và các bộ phận nhiều nhất sang 5 thị trường chính, dẫn đầu là thị trường Hoa Kỳ, đạt 20,1 tỷ THB (tương đương 569,4 triệu USD), tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2023; Tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 4,6 tỷ THB (tương đương 131,5 triệu USD), giảm 6,2%; Ma-lai-xi-a đạt 1,8 tỷ THB (tương đương 51,9 triệu USD), tăng 1,47%; Trung Quốc đạt 1,68 tỷ THB (tương đương 47,5 triệu USD), giảm 21,66%; Úc đạt 1,16 tỷ THB (tương đương 32,9 triệu USD), tăng 28,49% so với cùng kỳ năm 2023. (*Ghi chú : Tỷ giá 1 USD = 35,37 THB).*

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, trong quý IV/2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4,5 tỷ USD, tăng 7,4% so với quý III/2024 và tăng 17,3% so với quý IV/2023. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 3,2 tỷ USD, tăng 6,8% so với quý III/2024 và tăng 17,4% so với quý IV/2023.

Trong năm 2024, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 16,2 tỷ USD, tăng 20,3% so với năm 2023. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 11,2 tỷ USD, tăng 21,9% so với năm 2023.

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quý giai đoạn năm 2022 – 2024
(ĐVT: Tỷ USD)

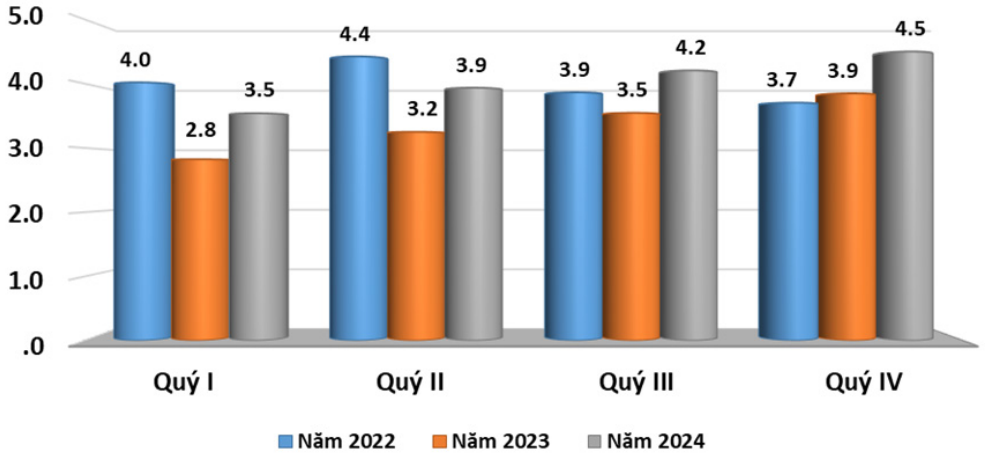

Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính quý IV/2024

Năm 2024, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đã đạt được những kết quả ấn tượng, vượt qua nhiều thách thức để tiến gần đến mục tiêu đề ra. Ước tính, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng 20,3% so với năm 2023. Kết quả đạt được là nhờ sự nỗ lực của các doanh nghiệp trong ngành gỗ, chủ động tìm kiếm thị trường, tham gia hội chợ triển lãm và chuyển đổi từ gia công xuất khẩu sang thiết kế các mẫu mã mới, nâng cao chất lượng sản phẩm. Cùng với đó, tiêu dùng tại các thị trường lớn như Hoa Kỳ và châu Âu phục hồi, đặc biệt là tại thị trường Hoa Kỳ, đã tạo cơ hội cho ngành gỗ tăng tốc xuất khẩu. Bên cạnh đó, ngành gỗ Việt Nam đã thâm nhập sâu hơn vào các thị trường quan trọng và mở rộng hiện diện tại các thị trường mới nổi như UAE, Ấn Độ.

Mặc dù đạt được kết quả khả quan, nhưng ngành gỗ vẫn đối mặt với nhiều thách thức như yêu cầu kiểm soát nguồn gốc gỗ hợp pháp từ các thị trường xuất khẩu chính, nguy cơ gian lận thương mại,

áp lực cạnh tranh và biến động kinh tế toàn cầu.

Với đà tăng trưởng hiện tại và sự nỗ lực của các doanh nghiệp cùng cơ quan quản lý, ngành gỗ Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu mới, củng cố vị thế trên thị trường quốc tế. Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong năm 2025 được dự báo tích cực, với mục tiêu xuất khẩu đạt khoảng 18 tỷ USD (theo Cục Lâm nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu của ngành gỗ trong năm 2025 phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm sự phục hồi kinh tế toàn cầu, nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn, chính sách thương mại, và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành.

Các thị trường xuất khẩu chính mang lại triển vọng xuất khẩu cho ngành gỗ, trong đó, dẫn đầu là thị trường Hoa Kỳ, nhưng áp lực cạnh tranh mạnh từ các nhà cung cấp khác như Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, điều này yêu cầu doanh nghiệp Việt Nam chú trọng phát triển sản phẩm có giá trị gia tăng. Tiếp theo là thị trường EU, Hiệp định EVFTA (Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU) tiếp tục mang lại lợi thế thuế quan, mở rộng cơ hội cho gỗ và sản phẩm chế biến. Tại thị trường Trung Quốc, nhu cầu tăng cao do sự phát triển đô thị hóa và xây dựng. Tuy nhiên, các doanh nghiệp sẽ phải đáp ứng được yêu cầu khắt khe hơn về nguồn gốc gỗ hợp pháp.

Những thách thức thị trường mà ngành gỗ phải đối mặt như: Các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... ngày càng thắt chặt yêu cầu về xuất xứ gỗ, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao kiểm soát chuỗi cung ứng; Các thị trường như In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Ma-lai-xi-a đều là các đối thủ cạnh tranh mạnh trong khu vực; Nguy cơ suy giảm kinh tế tại các thị trường lớn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ. Vì vậy, ngành gỗ cần chuẩn bị kỹ để vượt qua thách thức và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao từ thị trường quốc tế.

Đồ nội thất nội thất bằng gỗ luôn là mặt hàng mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành gỗ, trong 11 tháng năm 2024, trị giá xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ chiếm 61,5% tổng trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đạt 9 tỷ USD, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2023. Xu hướng đối với mặt hàng này là các sản phẩm nội thất, đồ gỗ thông minh và thiết kế độc đáo. Nhu cầu về các sản phẩm đồ gỗ bền vững, thân thiện với môi trường sẽ gia tăng.

Tiếp theo là xuất khẩu dăm gỗ đạt 2,4 tỷ USD trong 11 tháng năm 2024, tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2023; Xuất khẩu gỗ, ván và ván sàn đạt 1,86 tỷ USD, tăng 14,1%; gỗ viên nén đạt 709,6 triệu USD, tăng 16,3%...

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu

(Tỷ trọng % tính theo trị giá)

11 tháng năm 2024

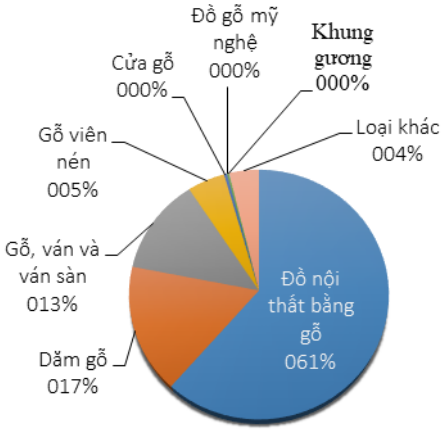

11 tháng năm 2023

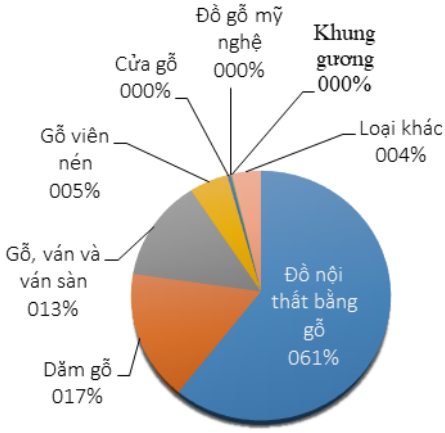

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tình hình kinh tế và lạm phát ở Hoa Kỳ và các thị trường chủ lực dần ổn định, đã tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ. Ngoài ra, hàng tồn kho từ những năm trước đã được giải quyết, cũng thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu mới. Do đó, thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đang có xu hướng tăng tại các thị trường nhập khẩu chính trên toàn cầu, điều này cho thấy các sản phẩm nội thất gỗ của Việt Nam đã và đang đáp ứng được các tiêu chuẩn của thị trường quốc tế. Tình hình nhập khẩu của từng thị trường chính được cập nhật mới nhất như sau:

Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên toàn cầu là thị trường EU. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), 9 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của EU đạt 17,3 tỷ USD, giảm 0,6% so với cùng kỳ năm 2023. Đáng chú ý, EU giảm nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường nội khối và tăng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối trong 9 tháng đầu năm 2024. Nhập khẩu từ các thị trường nội khối đạt 12,7 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, nhập khẩu từ các thị trường ngoài khối đạt 4,6 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2023. EU tăng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường ngoài khối là do sản phẩm từ các nước ngoài khối, đặc biệt từ châu Á, có giá thành thấp hơn so với

sản xuất nội địa EU; các quốc gia ngoài khối cung cấp nhiều mẫu mã, phong cách và chất liệu phong phú; một số quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã phát triển chuỗi cung ứng bền vững và có chứng nhận quốc tế như FSC, đáp ứng yêu cầu của EU. Các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam ngày càng được người tiêu dùng EU quan tâm, tuy nhiên trị giá nhập khẩu của EU từ Việt Nam vẫn còn thấp, chỉ chiếm 2,1% tổng trị giá nhập khẩu. Do đó, cơ hội để tăng thị phần tại thị trường EU còn nhiều. Để khai thác tối đa cơ hội, các nhà xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam cần đảm bảo tuân thủ các quy định khắt khe của EU và tập trung vào chất lượng, thiết kế, cũng như tính bền vững của sản phẩm.

Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trong 10 tháng năm 2024, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 17,5 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ chính cho Hoa Kỳ, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam tăng từ 36,4% trong 10 tháng năm 2023 lên 41,5% trong 10 tháng năm 2024. Điều này cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam đã nắm bắt tốt xu hướng tiêu dùng mới tại Hoa Kỳ, qua đó đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ sang Hoa Kỳ trong năm 2025 sẽ đối mặt với nhiều thách thức, bởi các chính sách thuế của Hoa Kỳ có thể thay, dẫn đến sự biến động trong đơn hàng. Nguy cơ bị áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp và các biện pháp phòng vệ thương mại khác luôn hiện hữu. Cùng với đó, Hoa Kỳ có những yêu cầu khắt khe về nguồn gốc và tiêu chuẩn pháp lý của gỗ nhập khẩu. Các nước trong khu vực như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Thái Lan có thể tận dụng cơ hội để gia tăng xuất khẩu gỗ sang Hoa Kỳ, tạo sức ép cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam. Đáng chú ý, mức thuế cao áp dụng cho Trung Quốc đang thúc đẩy chuỗi cung ứng chuyển dịch sang Việt Nam, điều này mở ra cơ hội mới cho đầu tư nước ngoài và tăng cường xuất khẩu. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam cần mở rộng hợp tác với doanh nghiệp tại Hoa Kỳ để phát triển thị trường phân phối. Đồng thời, Việt Nam cũng cần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư Hoa Kỳ để cân bằng cán cân thương mại và tránh áp lực từ các biện pháp phòng vệ thương mại.

Anh là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn thứ ba trên toàn cầu. Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong10 tháng năm 2024, Anh nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 3,6 tỷ USD, tăng 3,55% so với cùng kỳ năm

2023. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng tăng trong 10 tháng năm 2024. Nhu cầu nhập khẩu lớn mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc gia tăng xuất khẩu vào thị trường này. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA) cũng đóng vai trò quan trọng, mang lại nhiều ưu đãi thuế quan, với nhiều mặt hàng gỗ được áp dụng mức thuế suất 0%. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm và chi phí logistics ngày càng tăng do các yếu tố địa chính trị. Để thành công hơn trong xuất khẩu tới thị trường này, các doanh nghiệp ngành gỗ cần cải thiện công nghệ sản xuất, nâng cao mẫu mã và chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Anh.

Thị trường nhập khẩu lớn thứ tư trên toàn cầu là Ca-na-đa. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Ca-na-đa, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ vào Ca-na-đa trong 10 tháng năm 2024 đạt 1,87 tỷ USD, giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 15,5% tổng trị giá nhập khẩu, tăng 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Thị trường Ca-na-đa vẫn còn nhiều dư địa để doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam mở rộng thị phần. Tuy nhiên, Ca-na-đa đang gia tăng các yêu cầu mới đối với thương mại quốc tế, thiết lập nhiều rào cản thị trường và thúc đẩy xu hướng bảo hộ thương mại, chuyển đổi xanh. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần nắm bắt và chuyển hướng sản xuất theo xu hướng này để tận dụng cơ hội tăng xuất khẩu.

Nhật Bản là thị trường nhập khẩu lớn thứ năm thế giới Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Nhật Bản, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản trong 10 tháng năm 2024 đạt 1,5 tỷ USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 21% tổng trị giá nhập khẩu, giảm 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023. Nhật Bản có quy định về sản phẩm khắt khe, tiêu chuẩn cao, tập quán tiêu dùng là ưu tiên mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy, các doanh nghiệp muốn đẩy mạnh xuất khẩu sang Nhật Bản cần chú ý các quy định và tiêu chuẩn cao về chất lượng sản phẩm; yếu tố về thẩm mỹ, tính tiện dụng trong bao bì mẫu mã, cũng như sản phẩm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, thân thiện môi trường.

5 thị trường chính nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường	9 tháng năm 2024 (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 10/2024 (triệu USD)	Lũy kế năm 2024 (triệu USD)	Lũy kế 2024 so với cùng kỳ năm 2023 (%)	Thị phần lũy kế của Việt Nam(%)	
						Năm 2024	Năm 2023
EU	17.341	2,1		17.341	-0,6	2,1	1,9
Hoa Kỳ	15.635	41,1	1.890	17.525	7,00	41,5	36,4
Anh	3.178	5,8	439	3.617	3,55	5,7	5,4
Ca-na-đa	1.746	15,6	127	1.873	-0,05	15,5	14,7
Nhật Bản	1.342	20,9	160	1.502	6,1	21,0	21,4

Nguồn: Eurostat, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, Cơ quan Hải quan Nhật Bản, Cơ quan thống kê Ca-na-đa, ITC

Tỷ giá: 1 Eur = 1,04 USD; 1 USD = 158,36 Yên

TỪ 8/1/2025, EU TĂNG TẦN SUẤT KIỂM TRA MẶT HÀNG SẦU RIÊNG NHẬP KHẨU TỪ VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Ủy ban Châu Âu ban hành Quy định số 2024/3153 về rà soát áp dụng các biện pháp tăng cường kiểm tra bổ sung, biện pháp khẩn cấp quản lý nhập khẩu hàng nông sản, thực phẩm từ các bên ngoài vào EU theo quy định 2019/1793 và đưa ra quyết định đối với một số nông sản, thực phẩm có nguồn gốc tại Việt Nam như sau:

1. Nâng tần suất kiểm tra mặt hàng sầu riêng từ 10% lên 20% và vẫn áp dụng tại Phụ Lục I, lý do trong thời gian qua, tỷ lệ cảnh báo về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trong các lô hàng sầu riêng xuất khẩu sang EU vẫn còn cao.

2. EU áp dụng tần suất kiểm tra tại biên giới đối với Thanh long từ 30%; đậu bắp và ớt, áp dụng tần suất kiểm tra đều là 50% đồng thời kèm theo các lô hàng là Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong sản phẩm (theo quy định tại phụ lục II). Lý do trong thời gian qua, số các lô hàng thanh long, ớt và đặc biệt là đậu bắp xuất khẩu sang EU vẫn còn bị cảnh báo, vi phạm quy định MRL không giảm, do đó EU vẫn duy trì áp dụng biện pháp tăng cường kiểm tra như lần thông báo trước.

Quy định này có hiệu lực từ ngày 8 tháng 1 năm 2025.

Thông tin chi tiết tham khảo tại link: https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=OJ:L_202403153

VIỆT NAM RÀ SOÁT VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI MỘT SỐ SẢN PHẨM ĐƯỜNG MÍA

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3485/QĐ-BCT về việc rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía (mã vụ việc: AR02.AC02.AD13-AS01).

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1989/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Vương quốc Thái Lan.

Theo quy định khoản 1 Điều 58 Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, trong thời hạn 60 ngày trước khi kết thúc 01 năm kể từ ngày có quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức hoặc quyết định mới nhất về kết quả rà soát biện pháp chống bán phá giá, các bên liên quan có thể nộp Hồ sơ yêu cầu rà soát. Theo đó, Cục PVTM đã nhận được hồ sơ rà soát của Công ty TNHH Đường Wilmar yêu cầu rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM đối với một số sản phẩm đường mía.

Trên cơ sở xem xét hồ sơ do bên liên quan nộp theo đúng quy định của pháp luật, ngày 24 tháng 12 năm 2024, Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 3485/QĐ-BCT về việc rà soát việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía (mã vụ việc: AR02.AC02.AD13-AS01).

Để đảm bảo lợi ích cho tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ việc, Cục PVTM khuyến nghị các tổ chức, cá nhân như sau:

Tổ chức, cá nhân đăng ký bên liên quan theo mẫu Đơn đăng ký bên liên quan tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 37/2019/TT-BCT và gửi tới Cơ quan điều tra

thông qua Hệ thống tiếp nhận hồ sơ phòng vệ thương mại trực tuyến (TRAV ONLINE – https://online.trav.gov.vn) trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc kể từ ngày có hiệu lực của quyết định tiến hành rà soát. Đồng thời, Đơn đăng ký bên liên quan có thể được gửi tới Cơ quan điều tra qua đường bưu điện hoặc thư điện tử.

Hạn cuối để đăng ký bên liên quan là trước ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Thông tin liên hệ:

Cục Phòng vệ thương mại – Bộ Công Thương

Địa chỉ: 23 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84.24.73037898 (số máy lẻ 111)

Cán bộ đầu mối

Chị Hoàng Ngọc Lan – Phòng Điều tra bán phá giá và trợ cấp – Email: lanhtn@moit.gov.vn

Lưu ý:
Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.
Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.